

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 7 - 2022

V/v ly hôn giữa chị V và anh K

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Trung Thành

Bà Phạm Hồng Minh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị V, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Lưu Văn K, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2022, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị V trình bày: Chị và anh Lưu Văn K tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa thuận, nguyên nhân do anh K chơi bời, rượu chè về nhà thường đánh chửi vợ con, vấn đề này đã được chị, gia đình và bạn bè khuyên giải nhưng anh K không sửa chữa; chị và anh K đã sống ly thân, không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Văn K.

Về con chung: Giữa chị và anh K có 02 con chung là Lưu Quang V, sinh ngày 20/12/2004 và Lưu Hà Anh, sinh ngày 18/01/2017, hiện con lớn đang ở với anh K và con nhỏ ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng. Vì hiện nay chị đang buôn bán tự do thu nhập mỗi tháng từ 10 - 15 triệu đồng đủ điều kiện nuôi các con. Trường hợp anh K không đồng ý giao 02 con cho chị nuôi thì chị đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, chị tiếp tục nuôi con nhỏ, giao con lớn cho anh K nuôi, chị và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2022 bị đơn anh Lưu Văn K trình bày:* Anh và chị Vũ Thị V là vợ chồng, quá trình chung sống có khúc mắc nhưng không lớn, anh không ly hôn chị V nên anh không viết tự khai, không đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ mà để tự anh nói chuyện trực tiếp với chị V, anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Về con chung: Giữa anh và chị V có 02 con chung là Lưu Quang V, sinh năm 2004 và Lưu Hà A, sinh ngày năm 2017, hiện con lớn đang ở với anh và con nhỏ ở với chị V. Nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, anh xin trực tiếp nuôi con nhỏ, giao con lớn cho chị V nuôi, anh và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*(anh K trình bày nhưng không ký vào biên bản làm việc và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án)*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

*Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:*

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị V và anh Lưu Văn K.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lưu Quang V, sinh ngày 20/12/2004 cho anh K nuôi dưỡng và cháu Lưu Hà A, sinh ngày 18/01/2017 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; chị V và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3. Về án phí DSST: Chị Vũ Thị V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Lưu Văn K đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh K vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị V và anh Lưu Văn K tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 28/12/2003, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh K được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh K thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có khúc mắc, anh mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ, không nhất trí ly hôn nên anh không đến Tòa án để làm việc.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị V và anh K không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Lưu Văn K của chị Vũ Thị V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị V và anh K có 02 con chung là Lưu Quang V, sinh ngày 20/12/2004 và Lưu Hà A, sinh ngày 18/01/2017, hiện cháu V đang ở với anh K và cháu Anh ở với chị V.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, nguyện vọng của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Chị V và anh K đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi một con, cả hai đều có nguyện vọng nuôi con nhỏ. Tuy nhiên để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của con chung, nên tiếp tục giao con chung là Lưu Hà A cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng và Lưu Quang V cho anh K nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự chị V và anh K không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị V và anh Lưu Văn K.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là Lưu Hà A, sinh ngày 18/01/2017 cho chị Vũ Thị V tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và Lưu Quang V, sinh ngày 20/12/2004 cho anh Lưu Văn K tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V và anh K không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị V đã nộp theo biên lai số 0004634, ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Ánh**